

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21/02/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Bùi Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1999, nơi cư trú: Xóm C, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1994, nơi cư trú: Xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2023, bản tự khai ngày 05/12/2023 và các tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q. Sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ tháng 11 năm 2022 đến

nay vợ chồng không chung sống với nhau. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Đức T2, sinh ngày 17/8/2022. Hiện nay cháu đang sinh sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Văn T1; về con chung: Giao cháu Phạm Đức T2, sinh ngày 17/8/2022 cho chị T trực tiếp nuôi, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn T1 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Phạm Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 139 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

Chị Phạm Thị Thu T trình bày quá trình chung sống giữa chị và anh T1 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ tháng 11 năm 2022 đến nay vợ chồng không chung sống với nhau. Anh Phạm Văn T1 nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và cho chị T ly hôn với anh T1

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phạm Đức T2, sinh ngày 17/8/2022. Hiện nay cháu đang sinh sống với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu T2, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Theo biên bản xác minh ngày 13/12/2023 tại Hội liên hiệp phụ nữ xã T, thành phố Q có nội dung: “*Mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T thế nào thì Hội không rõ, hiện nay chị T cùng con sống tại xã N, còn anh Phạm Văn T1 đang sinh sống tại xã T*”. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Phạm Đức T2 cho chị T trực tiếp nuôi.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.2] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T trình bày không có.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81,; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Văn T1

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Đức T2, sinh ngày 17/8/2022 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp nuôi. Chị T không yêu cầu anh Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Thu T trình bày không có.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000008 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã T, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Vạn Huỳnh

Nguyễn Thị Thu Thủy Nguyễn Thị Thanh N1

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN

– CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Vạn Huynh Nguyễn Thị Thu T3

Nguyễn Thị Thanh N1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Khê, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như